

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA VANG
TP. ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/DS-ST
Ngày 15/8/2018
V/v yêu cầu thực hiện nghĩa vụ
trả tiền

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Xuân Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Hùng

2. Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Vỹ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Trương Công Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 14/8/2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 21/2018/TLST-DS ngày 15/3/2018 về việc kiện yêu cầu thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2018/QĐXXST-DS ngày 06/7/2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 54/2018/QĐST-DS ngày 16/7/2018 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Bà Phan Thị N, sinh năm 1961. Địa chỉ cư trú: Tổ 2, thôn An Ngãi Đông, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Tú U; địa chỉ cư trú: Thôn Phú Hạ, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 15/3/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là Bà Phan Thị N trình bày như sau:

Xuất phát từ việc bỏ hàng tạp hóa cho bà U buôn bán nhưng bà U không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng nên ngày 12/7/2006 bà U lẫn tay xác nhận: còn nợ bà N số tiền 9.076.000 đồng, tại thời điểm này quy ra vàng là 850.000 đồng/chỉ, tính ra vàng là 10 chỉ 6 phân. Sau đó bà U tiếp tục ký và lẫn tay xác nhận có nợ của bà N số tiền 9.076.000 đồng, nếu có mệnh hệ gì thì con sẽ trả. Từ đó, bà U trả được 2.500.000

đồng, còn nợ lại 6.576.000 đồng. Bà N đã nhiều lần đòi nợ nhưng không được mà lại còn bị mẹ con bà U đánh. Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án thì con trai bà U có gặp bà N thương lượng trả tiền nhưng vẫn không trả được đồng nào. Nay bà N yêu cầu Tòa án buộc bà U trả 6.576.000 đồng nợ gốc và tiền lãi từ ngày 15/3/2018 đến 14/8/2018 là 186.320 đồng ($6.576.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} \times 6,8\%/\text{năm} = 186.320 \text{ đồng}$), tổng cộng gốc và lãi là 6.762.320 đồng.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Tú U đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng vẫn vắng mặt, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không có bản tự khai. Tòa án triệu tập bà U họp lệ phiên tòa lần thứ nhất, phiên tòa lần thứ hai nhưng đều vắng mặt.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, các đương sự đã chấp hành đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, ý kiến của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Vang đề nghị Tòa áp dụng Điều 280, 357, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N, buộc bà U phải trả cho bà N 6.576.000 đồng nợ gốc và tiền lãi từ 15/3/2018 đến 14/8/2018 là 186.320 đồng, tổng cộng là 6.762.320 đồng. Bà U phải chịu án phí theo quy định của pháp luật, hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho bà N.

Tài liệu, chứng cứ của vụ án: Đơn khởi kiện; bản photo giấy nhận nợ có chữ ký và dấu lấn tay của bà Nguyễn Thị Tú U, báo cáo chưa thanh toán nợ, giấy cho tài sản, bản photo sổ kê bán hàng cho bà U, bản photo bản kê tiền vay trả giữa bà U và bà N; bản tự khai của bà N, một quyển sổ bìa màu xanh có bản kê bán hàng, trả nợ và giấy nhận nợ có chữ ký và dấu lấn tay của bà Nguyễn Thị Tú U.

Các tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, các tình tiết các bên đã thống nhất: không có.

Tòa án triệu tập họp lệ bị đơn tại phiên tòa lần thứ nhất, thứ hai nhưng đều vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án có đủ cơ sở nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Xuất phát từ việc bà N bỏ hàng tạp hóa cho bà U buôn bán nhưng bà U không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng và còn nợ 6.576.000 đồng nên bà N khởi kiện yêu cầu bà U thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Tòa án đã tiến hành xác minh tại Công an xã Hòa Sơn thì bà U hiện đang sinh sống tại thôn Phú Hạ, xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng nhưng không nắm rõ được năm sinh của bà U. Đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang theo quy định tại Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Nguyễn Thị Tú U nhưng bà U không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Xuất phát từ việc bà N bỏ hàng tạp hóa cho bà U buôn bán nhưng bà U không thanh toán đầy đủ tiền mua hàng và nợ 9.076.000 đồng, sau đó đã trả được 2.500.000 đồng, còn nợ lại 6.576.000 đồng nên bà N yêu cầu Tòa án buộc bà U trả 6.576.000 đồng nợ gốc và tiền lãi từ 15/3/2018 đến 14/8/2018 là 186.320 đồng (5 tháng với lãi suất 6,8%/năm). Căn cứ chứng cứ có tại hồ sơ thì việc mua bán hàng tạp hóa và nợ tiền mua bán hàng giữa bà N và bà U là có thật. Do đó, căn cứ quyền sở kê bán hàng hóa cho bà U và xác nhận nợ do bà U ký và lấn tay ngày 12/7/2016; căn cứ Điều 280, 357, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bà Phan Thị N đối với bà Nguyễn Thị Tú U, buộc bà U phải có nghĩa vụ trả một lần cho cho bà N 6.576.000 đồng nợ gốc và tiền lãi từ 15/3/2018 đến 14/8/2018 là 186.320 đồng ($6.576.000 \text{ đồng} \times 5 \text{ tháng} \times 6,8\%/\text{năm} = 186.320 \text{ đồng}$), tổng cộng là 6.762.320 đồng.

[3] Về án phí Dân sự sơ thẩm:

Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà N nên bà U phải chịu $6.762.320 \text{ đồng} \times 5\% = 338.116 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6318 ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 280, 357, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016 UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bà Phan Thị N đối với bà Nguyễn Thị Tú U. Buộc bà Nguyễn Thị Tú U có nghĩa vụ thanh toán cho bà Bà Phan Thị N 6.762.320 đồng (trong đó: tiền gốc là 6.576.000 đồng, tiền lãi 15/3/2018 đến 14/8/2018 là 186.320 đồng).

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Tú U phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 338.116 đồng. Hoàn trả cho Bà Phan Thị N 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 6318 ngày 15/3/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

3. Về nghĩa vụ chậm thanh toán: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND H.Hòa Vang;
- Chi cục THADS H.Hòa Vang;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

LÊ THỊ XUÂN PHƯƠNG

